

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI
Tháng 5 và 5 tháng năm 2013

I. CÔNG NGHIỆP

Ước tính sản xuất công nghiệp tháng 5 tăng 5,5% so tháng 4 và tăng 4,4% so tháng 5/2012, 5 tháng tăng 4,6% so cùng kỳ. Trong đó công nghiệp khai khoáng đạt 70,8% so cùng kỳ, công nghiệp chế biến tăng 4,5% ; sản xuất phân phối điện tăng 7,5% ; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 10,7%. Tình hình sản xuất ở một số ngành có tỷ trọng cao như sau :

Chỉ số phát triển công nghiệp

Đơn vị tính: %

	Tháng 5 so với tháng 4	5 tháng so với cùng kỳ
Tổng số	105,5	104,6
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai thác mỏ	56,9	70,8
2. Công nghiệp chế biến	105,5	104,5
3. SX và phân phối điện	100,6	107,5
4. Cung cấp nước và xử lý rác thải	107,0	110,7
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	116,3	110,1
2. Sản xuất đồ uống	105,0	111,9
3. Sản xuất quần áo	111,5	102,3
4. Sản xuất da và SP liên quan	112,1	107,5
5. SX hóa chất và SP hóa chất	113,5	106,5
6. Sản phẩm từ plastic	105,8	107,1
7. Sản xuất vật liệu xây dựng	102,0	106,4
8. Sản xuất SP điện tử	101,8	102,3
9. Sản xuất thiết bị điện	100,8	100,8
10. SX ô tô	98,5	56,5

Có 22/26 ngành (cấp 2) tăng, các ngành biến thực phẩm, đồ uống, da giày, hóa chất và SP hóa chất, sản phẩm plastic có mức tăng cao hơn mức tăng chung toàn ngành. Có 4 ngành giảm là khai khoáng (-29,2%), thuốc lá (-1%), ô tô (-43,5%) và sản phẩm công nghiệp khác (-6,4%). Tháng 5 sản xuất ô tô tiếp tục giảm và tính

chung 5 tháng sản xuất chỉ bằng 56,5% cùng kỳ năm 2012 (cùng kỳ năm 2012 ngành này đã giảm 8,6% so cùng kỳ năm 2011). Sản xuất sản phẩm điện tử tiếp tục tăng 1,8% so tháng 4 (tháng 4 là tháng đầu tiên đổi chiều qua xu hướng tăng sau nhiều tháng liên tục giảm), lũy kế 5 tháng đã tăng so cùng kỳ (+2,3%). Một số sản phẩm sản xuất tăng khá: thịt và các SP thịt (+12,4%); sản phẩm sữa (+12,6%); bia (+12%); vali túi xách (+130,7%); xà phòng chất tẩy rửa (+13,8%); một số sản phẩm vật liệu xây dựng đã có mức tăng khá như xi măng (+8%); sắt thép (+9,8%).

Chỉ số tồn kho toàn ngành tại thời điểm 1/5 giảm 0,26% so với cùng thời điểm tháng trước; trong đó có 10 ngành (cấp 2) có chỉ số tăng; trong đó đồ uống (+12,2%), sản phẩm da (+20%), hóa chất (+9,2%) ...

II. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

1. Trồng trọt

Sản xuất vụ Đông xuân: Tổng diện tích gieo trồng ước đạt 11.837 ha tăng 3% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, lúa 6.065 ha giảm 5,3%, sản lượng giảm 5,2%, năng suất xấp xỉ cùng kỳ.

Rau các loại 3.911 ha tăng 9,8%, sản lượng đạt 95.326 tấn tăng 9,5%; bắp 767 ha tăng 17%; diện tích đậu phộng tăng 13,5% so cùng kỳ.

Diện tích gieo trồng vụ Hè thu: Lúa đã xuống giống 1.118 ha (riêng huyện Củ Chi chiếm 70,8%). Rau 1.390 ha, xấp xỉ cùng kỳ; đậu phộng 13,5 ha; bắp 205,5 ha.

2. Chăn nuôi: Kết quả điều tra chăn nuôi thời điểm 1/4

Số hộ chăn nuôi thành phố có đến 1/4/2013 là 19.974 hộ (huyện Củ Chi chiếm 63,5% tổng số), giảm 9,7% so với 1/4/2012 và giảm 7,2% so với thời điểm 1/10/2012.

Gia súc: Đàn trâu có 4.906 con, giảm 11,5%; đàn bò 107,1 ngàn con, tăng 2% so với thời điểm 1/4/2012, trong đó đàn bò sữa tăng 4,3%.

Đàn heo là 299,5 ngàn con giảm 3%, trong đó có 7.835 con heo rừng lai. Hiện nay giá thành chăn nuôi cao hơn giá tiêu thụ sản phẩm, người chăn nuôi tăng cường bán ra để giảm lỗ và không đầu tư tái sản xuất trong thời kỳ hiện nay.

Gia cầm và chăn nuôi khác: Đàn gà công nghiệp với 220,8 ngàn con được nuôi trang trại Củ Chi 1, 2 và 2 hộ gia công cho công ty CP.

Ngành chăn nuôi thành phố đang tìm hướng đi để mang lại hiệu quả cao như: nuôi thỏ lấy thịt, dê, cừu, nhím,... nhưng chưa phổ biến.

3. Thủy sản (tại huyện Cần Giờ)

Sản lượng thủy sản ước đạt 3.974,2 tấn, giảm 18,9% so tháng trước và tăng 15,3% so cùng kỳ năm 2012. Trong đó sản lượng đánh bắt chiếm 58,9%, tăng 5,9%, do sản lượng cá khai thác tăng 10,5%; sản lượng nuôi trồng chiếm 41,1%, tăng 15,9% so cùng kỳ.

Tổng sản lượng thủy sản 5 tháng đầu năm ước đạt 17.936 tấn, tăng 13,9% so cùng kỳ; trong đó, khai thác tăng 12,4%, nuôi trồng tăng 15,9%.

Tình hình thả nuôi tôm: Tính đến ngày 10/5, đã có 1.869 hộ thả nuôi tôm trên diện tích 4.722,2 ha. Số lượng con giống được thả là 1.076 triệu con. Trong đó tôm sú 550 hộ với diện tích 3.171, 2.

III. ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng:

Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn 5 tháng ước thực hiện 35.925 tỷ đồng, tăng 3,6% so với cùng kỳ (cùng kỳ tăng 10,1%) do các doanh nghiệp đang gặp rất nhiều khó khăn về đầu ra sản phẩm, vốn vay... để tái đầu tư.

Vốn đầu tư xây dựng thuộc ngân sách thành phố 5 tháng ước thực hiện 5.382,8 tỷ đồng, tăng 5,5% so với cùng kỳ. Cấp thành phố ước thực hiện 3.117,7 tỷ đồng, chiếm 57,9%; cấp quận huyện ước thực hiện 2.265,1 tỷ đồng, chiếm 42,1%.

Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách địa phương

	Thực hiện 5 tháng (tỷ đồng)	% So với cùng kỳ 2012
Tổng vốn đầu tư	5.382,8	105,5
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	362,6	86,6
Cấp thành phố	3.117,7	104,2
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	168,1	71,3
Cấp quận huyện	2.265,1	107,2
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	194,5	100,8

Khối lượng thực hiện trong tháng tập trung chủ yếu là các dự án cầu, đường và một số dự án trường học thuộc nguồn vốn xổ số kiến thiết, cụ thể: Mở rộng cầu Kinh Thanh Đa; tỉnh lộ 10; tỉnh lộ 10B; đường nối vào trường đại học Sài Gòn; trường Cán bộ Thành phố; trường THPT Long Bửu, quận 9; Trường tiểu học Phạm Thế Hiển, quận 8; Trường THCS Cần Thạnh, huyện Cần Giờ... Nhìn chung 5 tháng có tốc độ tăng chậm hơn cùng kỳ năm trước (5 tháng năm 2012 tăng 11%), nguyên nhân do nguồn vốn tập trung ưu tiên cho những dự án cấp bách phát triển cơ sở hạ tầng.

Tiến độ thực hiện một số công trình trọng điểm

- Tuyến đường sắt đô thị Bến Thành – Suối Tiên và mở rộng xa lộ Hà Nội: tiếp tục mở rộng đoạn từ Ngã tư Thủ Đức đến khu công nghệ cao;

- Tuyến đường Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài: khối lượng đạt trên 60%, theo dự kiến cuối năm 2013 sẽ thông xe một số đoạn;

- Các cầu vượt bằng thép tại ngã sáu đường Nguyễn Tri Phương - đường 3 tháng 2 - Lý Thái Tổ; giao lộ đường Cộng Hòa – Hoàng Hoa Thám; vòng xoay Cây Gõ đã khởi công trong tháng 4, theo dự kiến sẽ hoàn thành trong tháng 9/2013.

2. Tình hình cấp phép đầu tư có vốn nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/5 đã có 130 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn thành phố với tổng vốn đăng ký 158 triệu USD (vốn điều lệ 103,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 65,4% tổng vốn). Vốn đầu tư bình quân một dự án đạt 1,2 triệu USD.

Chia theo hình thức đầu tư: 100% vốn nước ngoài 94 dự án, vốn đầu tư đạt 75,9 triệu USD; liên doanh 36 dự án với vốn đầu tư đạt 82,1 triệu USD.

Chia theo ngành đầu tư: Công nghiệp 17 dự án, vốn đầu tư 30,9 triệu USD; thương nghiệp 33 dự án, vốn đầu tư 48,2 triệu USD; kinh doanh bất động sản 4 dự án, vốn đầu tư 40,5 triệu USD; thông tin và truyền thông 30 dự án, vốn đầu tư 13,5 triệu USD; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ 26 dự án, vốn đầu tư 12 triệu USD; y tế 1 dự án, vốn đầu tư 2 triệu USD;...

Chia theo quốc gia đầu tư: Singapore 20 dự án, vốn đầu tư 64,9 triệu USD; Nhật Bản 42 dự án, vốn đầu tư 16,3 triệu USD; Hàn Quốc 17 dự án, vốn đầu tư 10,4 triệu USD; Hà Lan 3 dự án, vốn đầu tư 20,3 triệu USD; Đức 3 dự án, vốn đầu tư 21,1 triệu USD; Australia 5 dự án, vốn đầu tư 10,2 triệu USD;...

Điều chỉnh tăng vốn đầu tư 40 dự án, số vốn tăng 204,1 triệu USD. Tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và điều chỉnh tăng vốn đạt 362,1 triệu USD (cùng kỳ năm trước 698,2 triệu USD).

Giải thể và chuyển đi tỉnh thành khác 31 dự án, vốn đầu tư 106,8 triệu USD.

3. Cấp phép xây dựng nhà ở hộ dân cư

Từ đầu năm đến ngày 30 tháng 4, toàn thành phố đã có 11.677 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở riêng lẻ của dân cư được cấp, với diện tích sàn 2.200,9 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 10.110 giấy phép, với diện tích 2.005,1 ngàn m² và 1.567 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 195,8 ngàn m².

So với cùng kỳ giảm 1,6% về giấy phép và tăng 1,4% về diện tích (tăng 31,3 ngàn m²).

4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

4.1. Cấp phép thành lập doanh nghiệp (khu vực không có vốn nước ngoài)

Từ 16/04 đến ngày 15/05 Sở Kế hoạch và Đầu tư đã cấp phép thành lập mới 2.180 doanh nghiệp, giảm 22% so với cùng kỳ tháng trước và 70 doanh nghiệp so với cùng kỳ năm 2012.

Tính từ đầu năm đến 15/5 đã có 9.342 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới; trong đó: 358 doanh nghiệp tư nhân, 984 công ty cổ phần và 7.995 công ty TNHH. Tổng vốn đăng ký thành lập doanh nghiệp 413.51 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm 2012, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng 1,6% (146 doanh nghiệp), nhưng số vốn đăng ký giảm 27,3%.

Số doanh nghiệp thành lập của khu vực công nghiệp – xây dựng chiếm 23,5% trong tổng số doanh nghiệp mới thành lập, giảm 3,1% so với cùng kỳ; khu vực dịch vụ chiếm 76,3%, tăng 3,4%. Vốn đăng ký thành lập bình quân 1 doanh nghiệp ngành công nghiệp chỉ bằng 30,7% 1 doanh nghiệp ngành xây dựng và bằng 75% 1 doanh nghiệp ngành dịch vụ.

4.2. Doanh nghiệp ngừng hoạt động

Trong tháng 4 có 1.399 doanh nghiệp ngưng nghỉ kinh doanh, bằng 94,2% so với tháng 3; Trong đó: khu vực có vốn nước ngoài 23 doanh nghiệp, khu vực nhà nước 2 doanh nghiệp còn lại là khu vực ngoài nhà nước.

Tính chung 4 tháng đầu năm có 6.381 doanh nghiệp ngưng nghỉ hoạt động, bằng 61,8% số doanh nghiệp tăng trong kỳ (bao gồm doanh nghiệp được cấp mã số thuế mới và số doanh nghiệp tái hoạt động sau thời gian ngưng nghỉ). So với 4 tháng đầu năm 2012, số doanh nghiệp ngưng nghỉ giảm 23,2%; riêng khu vực có vốn nước ngoài số doanh nghiệp ngưng nghỉ tăng 19 doanh nghiệp, bằng 75% số doanh nghiệp mới tăng.

IV. NỘI THƯƠNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ

1. Nội thương:

Thị trường tiêu thụ hàng hóa trong tháng 5 vẫn được duy trì và tăng nhẹ so tháng trước. Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ ước đạt 48.690 tỷ đồng, tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 9,6% so với tháng 5/2012.

Ước tính 5 tháng đạt 239.011 tỷ đồng, tăng 10,8% so cùng kỳ năm 2012; **nếu loại trừ mức biến động của giá, lượng hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tăng 7,7%.**

Trong đó:

- + Kinh tế nhà nước 41.577 tỷ đồng, chiếm 17,4%, giảm 7,5%;
- + Kinh tế ngoài nhà nước 187.508 tỷ đồng, chiếm 78,5%, tăng 15,5%;
- + Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 9.926 tỷ đồng, chiếm 4,2%, tăng 18,4%.

Mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ phân theo ngành hàng

	Ước thực hiện 5 tháng (tỷ đồng)			% so sánh 5 tháng so với cùng kỳ		
	Trên địa bàn	K.té trong nước	K.té có vốn ĐTNN	Trên địa bàn	K. té trong nước	K.té có vốn ĐTNN
Tổng mức	239.011	229.085	9.926	110,8	110,5	118,4
Tr,đó: Thương nghiệp	192.850	190.759	2.091	109,5	109,4	119,4
Khách sạn	3.188	1.529	1.659	107,9	111,2	105,1
Nhà hàng	24.567	22.975	1.592	117,4	117,1	121,8
Dịch vụ du lịch lữ hành	6.595	5.522	1.073	116,8	115,5	124,0

Doanh thu du lịch: (bao gồm khách sạn và dịch vụ lữ hành) 5 tháng ước đạt 9.783 tỷ đồng, chiếm 4,1% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, tăng 13,8% so cùng kỳ.

2. Chỉ số giá:

Giá tiêu dùng tháng 5 tiếp tục giảm 0,16% so với tháng trước và là tháng thứ 3 giảm liên tiếp trong 5 tháng đầu năm. Trong 11 nhóm hàng, 5 nhóm hàng có mức giá giảm: nhà ở điện nước; chất đốt và VLXD (-1,45%); thuốc và dịch vụ y tế (-0,02%); giao thông (-0,52%), văn hóa giải trí du lịch (-0,09%), hàng hóa và dịch vụ khác (-0,31%). 6 nhóm còn lại đều có mức giá tăng: cao nhất là nhóm đồ uống và thuốc lá (+0,53%); thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,36%); các nhóm còn lại có mức tăng không đáng kể; hàng ăn và dịch vụ ăn uống chỉ tăng 0,05%, trong đó giá hàng lương thực tiếp tục giảm 0,69%, là mặt hàng có 4/5 tháng giá giảm liên tục.

Mức biến động giá cụ thể của một số hàng hóa trong tháng: Thịt chế biến (+0,31%), trứng các loại (+6,02%), thủy sản tươi sống (+0,22%), thủy sản chế biến (+0,36%); rau các loại (+0,68%), Thịt heo (-0,67%); thịt bò (-0,44%); Gia cầm tươi sống (-1,05%); Dầu mỡ ăn (-0,64%); Trái cây các loại (-1,95%). vải các loại (+0,89%); quần áo may sẵn (+0,45%), nhiên liệu (-1,52%).

So với tháng 5/2012, chỉ số giá hàng hóa tiêu dùng tăng 2,22%. 6/11 nhóm hàng hóa dịch vụ có mức tăng cao so với chỉ số giá chung: Giáo dục (+7,69%), thiết bị đồ dùng gia đình (+2,99%), hàng hóa và dịch vụ khác (+6%), may mặc mũ nón giày dép (+5,08%), đồ uống và thuốc lá (+4,6%); thiết bị đồ dùng gia đình (+2,99%).

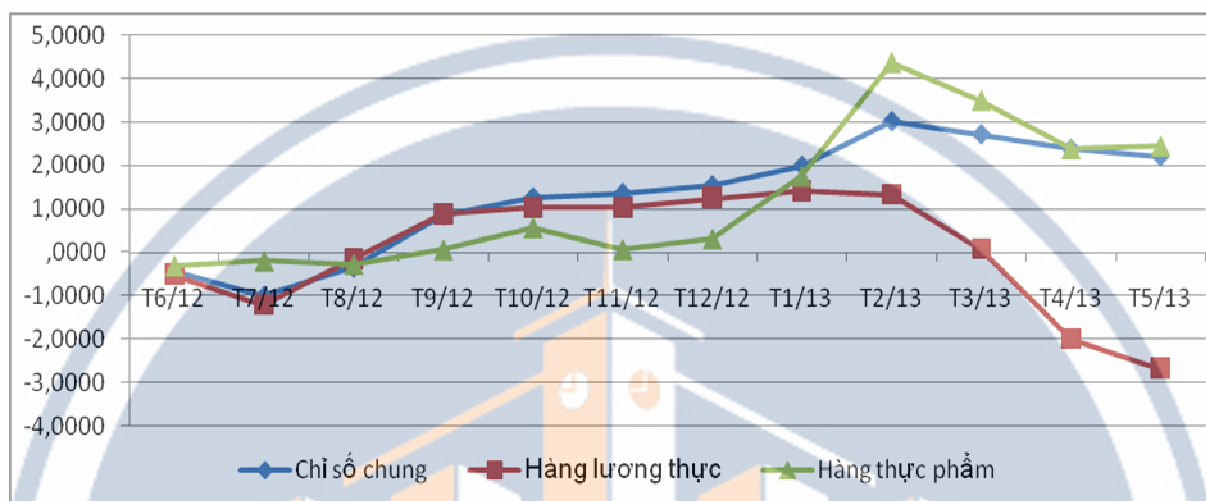
So với tháng 12/2012, chỉ số giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng 0,66%, là tháng có mức tăng thấp nhất so với tháng 12 năm trước trong 15 năm qua.

Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và tỷ giá USD

Đơn vị tính: %

	Tháng 5 so với tháng cùng kỳ năm trước		Tháng 5 so với tháng 12 năm trước	
	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013
1. Chỉ số giá tiêu dùng	107,20	102,22	102,49	100,66
Trong đó: Lương thực	110,20	97,31	97,97	96,13
Thực phẩm	104,59	102,44	100,70	102,12
2. Chỉ số giá vàng	113,76	98,42	94,08	88,71
3. Chỉ số giá USD	100,45	102,00	98,28	102,10

Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng
(So với tháng 5 /2012)



Giá vàng giảm 4,22% so với tháng trước, giảm 1,58 % so với tháng 5/2012. Nhưng chỉ số giá USD tăng 1,2% so với tháng trước và tăng 2% so với tháng 5/2012.

V. XUẤT, NHẬP KHẨU

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố 5 tháng đầu năm (không tính dầu thô) đạt 17.570,8 triệu USD, tăng 931,8 triệu USD so với 5 tháng cùng kỳ năm 2012 (tăng 5,6%). Khu vực kinh tế trong nước chiếm 60%, tăng 11,2%; khu vực có vốn nước ngoài chiếm 40%, giảm 2,2%.

1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 5 ước thực hiện 1.954,1 triệu USD, giảm 1,1% so với tháng trước; **Nếu không tính giá trị dầu thô, trị giá xuất khẩu đạt 1.353,1 triệu USD, giảm 5,9% so với tháng trước.** Năm tháng, trị giá xuất khẩu hàng hóa ước đạt 10.728,5 triệu USD, tăng 4,3% so với cùng kỳ năm trước. **Loại trừ dầu thô, trị giá đạt 7.703,8 triệu USD, tăng 1,8%;** khu vực kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 48,4% trong mức xuất khẩu của thành phố.

Mức xuất khẩu của các thành phần kinh tế (không tính dầu thô)

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 5	5 tháng	Tháng 5 với tháng 4	5 tháng với cùng kỳ 2012
Tổng số	1.353,1	7.703,8	94,1	101,8
Trong đó:				
Kinh tế Nhà nước	99,6	462,7	108,2	59,3
Kinh tế tư nhân	575,7	3.502,7	97,1	116,5
Kinh tế có vốn nước ngoài	676,0	3.726,5	90,0	99,0

Ước tính một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu và so sánh với cùng kỳ năm trước:

+ Gạo 829 ngàn tấn với trị giá 355,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 4,6% trong kim ngạch xuất khẩu hàng hoá không kê dầu, giảm 42,5%; trong đó giảm 36,6% về lượng, giảm 9,2% về giá. Lượng xuất khẩu sang thị trường Trung quốc chiếm 32,9%, Philippin 4,8%, Malaysia 16,4%, Senegal 5,6%, Hong Kong 4,6%, Singapore 4,4%....

+ Thủy sản 240 triệu USD, giảm 18,1%. Trong đó thị trường lớn là Nhật Bản chiếm 22,5%, Mỹ 9,5%, Hàn Quốc 8,5% , Hong Kong 4,6%, Thái Lan 5,9%.

+ May mặc 1.655,1 triệu USD (riêng khu vực có vốn nước ngoài 764 triệu USD, chiếm 46,2%), tăng 1,9%; Trị trường Mỹ chiếm 50,5%, Nhật Bản 17,6%;

+ Giày dép 690,5 triệu USD (khu vực có vốn nước ngoài chiếm 83,6%), giảm 10%;

+ Hàng máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện 1.114,5 triệu USD, tăng 20,3%. Trong đó khu vực có vốn nước ngoài 1.095 triệu USD, chiếm 29,3% trị giá hàng hóa xuất khẩu của khu vực.

2. Nhập khẩu

Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá **tháng 5 ước thực hiện 1.763 triệu USD, giảm 26% so tháng trước**; khu vực kinh tế trong nước giảm 24,6%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài giảm 29%. **Năm tháng, ước đạt 9.867 triệu USD, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước.**

Mức nhập khẩu của các thành phần kinh tế

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 5	5 tháng	Tháng 5 với tháng 4	5 tháng với cùng kỳ 2012
Tổng số	1.763,1	9.867,0	74,0	108,8
Trong đó:				
Kinh tế Nhà nước	111,4	690,8	65,9	76,4
Kinh tế tư nhân	1.116,5	5.863,1	76,5	123,8
Kinh tế có vốn nước ngoài	532,2	3.300,2	71,0	96,4

Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong 5 tháng và so sánh với cùng kỳ năm trước:

- Sữa và sản phẩm sữa 220,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 2,2%, giảm 11,6%;

- Xăng dầu 196,4 ngàn USD , giảm 30%; lượng giảm 28,4%, giá bình quân giảm 2,8%;

- Chất dẻo nguyên liệu 329,4 ngàn tấn, trị giá 544 triệu USD; lượng giảm 10%; giá bình quân tăng 8,1%. Thị trường nhập chủ yếu từ Singapore chiếm 17,8%, Hàn Quốc 12,8%, Đài Loan 11,8%, Ả Rập 13,7%;

- Vải các loại 762,3 triệu USD, giảm 6,4%. Tỷ trọng nhập từ Trung quốc là 36,9%, Đài Loan 7,7%, Hàn Quốc 16,2%, Nhật Bản 12,8% ...;

- Nguyên phụ liệu dệt may da 278,5 triệu USD, tăng 0,4%. Tỷ trọng nhập từ Trung quốc là 24,8%, Đài Loan 16,1%, Hàn Quốc 14,1%, Nhật Bản 13,5% ...;

- Dược phẩm 355,6 triệu USD, giảm 15,4%. Tỷ trọng nhập từ Pháp chiếm 14,9%; Ấn độ 9,2%...

- Sơ sợi dệt 108,5 triệu USD, giảm 11,4%. Hàng nhập từ Trung quốc chiếm 30%, tăng 6,1%...

Máy vi tính và linh kiện điện tử 1.318,7 triệu USD, tăng 9,8%. Hàng nhập từ Trung quốc chiếm 31,9%, tăng 57%; Isarel chiếm 20%; Mỹ chiếm 12,9%, giảm 17,7%...

VI. VẬN TẢI

1. Vận tải hàng hóa và hành khách:

Tổng doanh thu vận tải (thuần túy) tháng 5 ước đạt 4.203 tỷ đồng, tăng 2,4% so với tháng trước và tăng 14% so với cùng kỳ. Tổng doanh thu 5 tháng đạt 20.716,9 tỷ đồng, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó khu vực nhà nước chiếm 13,6%, giảm 2,7%.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 5 tháng

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh 5 tháng với cùng kỳ 2012	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	14.152,0	6.564,9	113,0	114,1
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	2.299,7	526,2	93,4	119,0
Kinh tế ngoài nhà nước	11.764,1	4.937,2	118,1	116,3
Kinh tế có vốn nước ngoài	88,2	1.101,5	89,7	103,3
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	7.749,0	5.467,7	116,4	116,3
Đường sông	1.314,1	112,2	116,5	118,5
Đường biển	5.058,0	-	107,7	-
Hàng không	30,9	985,0	82,0	103,0

* **Doanh thu vận tải hàng hóa** tháng 5 ước đạt 2.893,8 tỷ đồng, tăng 2,9% so với tháng trước và tăng 13,8% so với tháng cùng kỳ. 5 tháng đạt 14.152 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 68,3% trong tổng doanh thu vận chuyển, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước. Ngành vận tải đường bộ chiếm 54,8% trong tổng doanh thu vận chuyển hàng hóa, tăng 16,4%.

* **Doanh thu vận tải hành khách** tháng 5 ước đạt 1.309,3 tỷ đồng, tăng 1,2% so với tháng trước và tăng 14,5% so với tháng 5/2012. 5 tháng đạt 6.564,9 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 31,7% trong tổng doanh thu vận chuyển hành khách, tăng 14,1% so với cùng kỳ. Trong đó kinh tế ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng 75,2%, tăng 16,3%. Doanh thu vận tải hành khách đường bộ chiếm tỷ trọng 83,3%, tăng 16,3% so cùng kỳ.

2. Hàng hóa qua cảng:

Tổng lượng hàng hoá hàng hóa thông qua cảng sông và cảng biển tháng 5 ước thực hiện 5.758,4 nghìn tấn, tăng 1% so tháng trước và giảm 3,5% so với tháng 5/2012. 5 tháng đầu năm đạt 27.747,3 nghìn tấn, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó hàng hoá xuất khẩu 10.943 nghìn tấn, chiếm 39,4%, tăng 6,5%; hàng nhập khẩu 12.174,5 nghìn tấn, chiếm 43,9%, tăng 0,1%.

Hàng hoá thông qua cảng

	Sản lượng (nghìn tấn)		% so sánh	
	Tháng 5	5 tháng	Tháng 5 với tháng 4	5 tháng so với cùng kỳ 2012
Tổng số	5.758,4	27.747,3	101,0	102,1
<i>* Phân theo loại cảng</i>				
Cảng biển	5.606,1	27.108,0	100,9	103,6
Cảng sông	152,2	639,2	105,3	63,1
<i>* Phân theo loại hàng bốc xếp</i>				
Hàng xuất khẩu	2.289,4	10.943,0	100,8	106,5
Hàng nhập khẩu	2.586,6	12.174,5	100,7	100,1
Hàng nội địa	882,4	4.629,7	102,4	97,7

VII. TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

1. Tài chính

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 5 tháng ước thực hiện 87.598,1 tỷ đồng, đạt 37% dự toán, giảm 0,3% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa đạt 48.569,5 tỷ đồng, đạt 36,2% dự toán, tăng 3,2% so cùng kỳ; thu từ dầu thô đạt 13.529,1 tỷ đồng, đạt 59,6% dự toán, giảm 12,3%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 25.500 tỷ đồng, đạt 31,9% dự toán, tăng 0,5%.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2013 (Tỷ đồng)		% thực hiện 5 tháng năm 2013 so với	
	Dự toán	Ước TH 5 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2012
Tổng thu cân đối ngân sách NN	238.360	87.598,6	37,0	99,7
I- Thu nội địa	134.080	48.569,5	36,2	103,2
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	26.300	10.318,8	39,2	102,9
2. Khu vực ngoài nhà nước	35.500	12.421,3	35,0	103,8
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	34.326	12.371,0	36,0	115,3
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	80.050	25.500,0	31,9	100,5
III- Thu từ dầu thô	22.700	13.529,1	59,6	87,7

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 21,2% tổng thu nội địa, tăng 2,9% so cùng kỳ; Thu từ khu vực ngoài nhà nước 12.421,3 tỷ đồng, chiếm 25,6%, tăng

3,8%; Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài đạt 12.371 tỷ đồng, chiếm 25,5%, tăng 15,3%; Thu khác 13.458,5 tỷ đồng, giảm 6,1% (trong đó: thuế thu nhập cá nhân đạt 8.576,2 tỷ đồng, chiếm 63,7% thu khác, tăng 1,7%; tiền sử dụng đất 1.073,2 tỷ đồng, chiếm 8%, giảm 46,1%).

Thu ngân sách nhà nước địa phương 5 tháng ước đạt 16.218,3 tỷ đồng, đạt 39% dự toán, giảm 13,3% so cùng kỳ 2012.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 5 tháng ước thực hiện 14.451,2 tỷ đồng, đạt 33,3% dự toán, tăng 15,5% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2013 (Tỷ đồng)		% thực hiện 5 tháng năm 2013 so với	
	Dự toán	Ước TH 5 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2012
Tổng chi (trừ tạm ứng)	43.384,1	14.451,2	33,3	115,5
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	12.978,8	5.144,8	39,6	115,9
Trong đó: trả lãi và vốn vay	3.390,0	18,0	0,5	23,3
II- Chi thường xuyên	28.190,0	9.301,9	33,0	117,2
Trong đó: Sự nghiệp kinh tế	4.394,8	1.279,9	29,1	104,0
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	7.958,2	2.494,1	31,3	129,1
Sự nghiệp y tế	3.002,2	832,3	27,7	109,8
Quản lý hành chính	4.171,1	1.283,2	30,8	112,2

Chi đầu tư phát triển 5 tháng ước thực hiện 5.144,8 tỷ đồng, đạt 39,6% dự toán, tăng 15,9% so cùng kỳ; Chi thường xuyên đạt 9.301,9 tỷ đồng, đạt 33% dự toán, tăng 17,2%; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 1.279,9 tỷ đồng, tăng 4%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 2.494,1 tỷ đồng, tăng 29,1%; chi sự nghiệp y tế 832,3 tỷ đồng, tăng 9,8%; chi quản lý hành chính tăng 12,2%; chi đảm bảo xã hội 593,5 tỷ đồng, tăng 8,1%; Chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học 129,5 tỷ đồng, tăng 19,3%.

Tổng chi ngân sách nhà nước địa phương kể cả tạm ứng 5 tháng ước đạt 29.063,2 tỷ đồng, đạt 67% dự toán, tăng 11,9% so cùng kỳ 2012.

2. Tín dụng ngân hàng:

- Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 4 đạt 1.030,8 ngàn tỷ, tăng 1% so tháng trước, tăng 3,8% so cuối năm 2012 và tăng 14,8% so cùng kỳ. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 55,4% tổng vốn huy động, tăng 9,4% so cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 16,4%, giảm 10,7% so cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ chiếm 83,6% tổng vốn huy động, tăng 21,6% so cùng kỳ, trong đó tiền gửi tiết kiệm tăng 36,7%, chiếm 54,5%.

- Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 5 đạt 873,4 ngàn tỷ đồng, tăng 1,4% so tháng trước (con số này của tháng trước là 1,2%; của tháng trước nữa là -0,5%), tăng 2,1% so cuối năm 2012 và tăng 15,1% so cùng kỳ, như vậy tín dụng đã có dấu hiệu phục hồi. Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt

467,7 ngàn tỷ đồng, chiếm 53,6% tổng dư nợ, tăng 22,9% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 173,2 ngàn tỷ đồng, chiếm 19,8% tổng dư nợ, giảm 16,8%; dư nợ tín dụng bằng VNĐ chiếm 80,2% tổng dư nợ, tăng 27,1%. Dư nợ tín dụng trung dài hạn chiếm 44,5%, tăng 19%; dư nợ tín dụng ngắn hạn tăng 12%.

3. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 04/2013, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 311 gồm 306 cổ phiếu và 5 chứng chỉ quỹ, không thay đổi về số lượng so với cuối tháng trước (ngày 08/04 cổ phiếu NLG của công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long chính thức được giao dịch, và là ngày giao dịch cuối cùng của cổ phiếu DDM của Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô). Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 774.703 tỷ đồng, tăng 13,81% so cuối năm trước. Trong tháng 04, có 19 phiên giao dịch, 09 phiên tăng điểm và 10 phiên giảm điểm; cao nhất đạt mức vào ngày 9/4 là 510,49 điểm và kết thúc tháng, VN-Index chỉ còn 474,51 điểm. VN-Index cuối tháng 04 giảm 3,37% so với cuối tháng 3 (giảm 16,53 điểm) nhưng vẫn giữ được mức tăng 14,69 so với tháng 1/2013 (tăng 60,78 điểm).

- Khối lượng giao dịch của tháng 04/2013 đạt 926,8 triệu chứng khoán, giảm 11,8% so tháng 03/2013, bình quân mỗi phiên có 48,8 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 923,6 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch cổ phiếu đạt 914,1 triệu cổ phiếu, giảm 11,9% so tháng trước; khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 855,3 triệu chứng khoán, giảm 10,0% so tháng trước; khối lượng giao dịch thỏa thuận đạt 71,5 triệu chứng khoán, giảm 28,9% so tháng trước.

- Giá trị giao dịch của tháng 04/2013 đạt 17.548,4 tỷ đồng, giảm 4,1% so tháng trước. Trong đó: giá trị giao dịch cổ phiếu đạt 17.279,0 tỷ đồng, giảm 3,4% so tháng trước; giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 14.726,3 tỷ đồng, tăng 0,3%; giá trị giao dịch thỏa thuận đạt 2.822,1 tỷ đồng, giảm 22,0%.

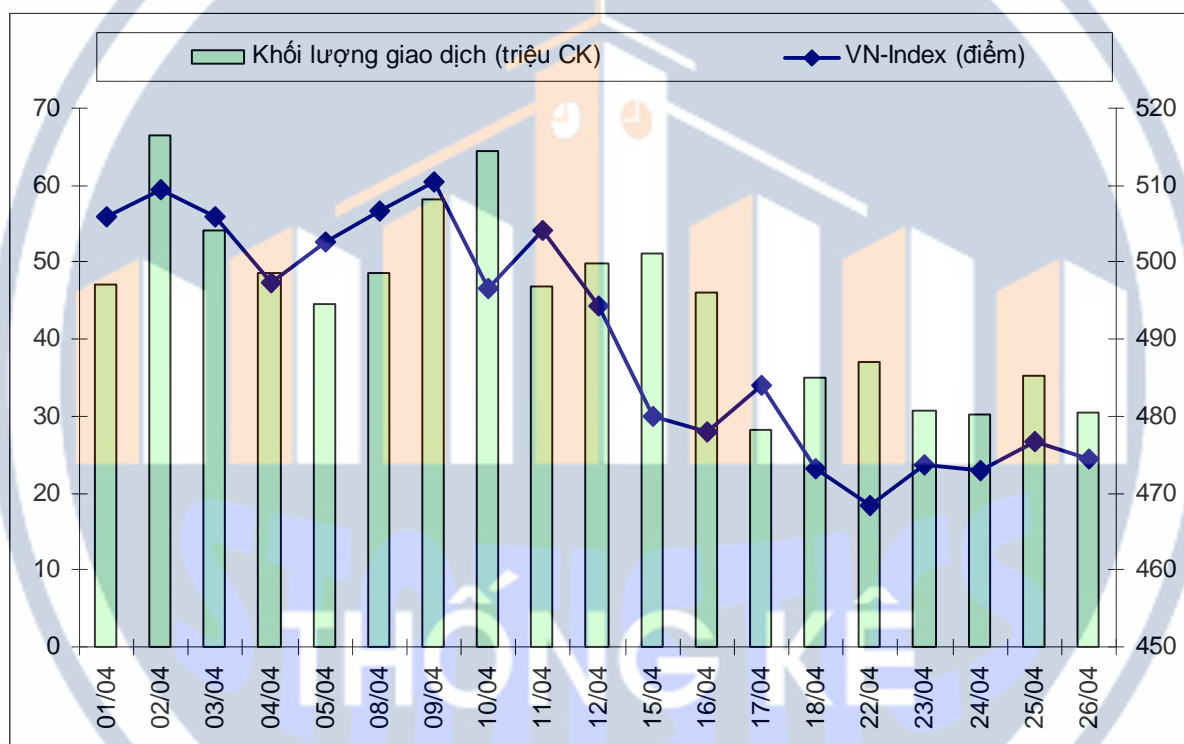
Tính từ đầu năm đến hết tháng 04, VN-Index đạt mức thấp nhất vào ngày 02/01 với 418,35 điểm và đạt mức cao nhất vào ngày 09/04 với 510,49 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 04	4 tháng	Tháng 04 so với tháng 03	4 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	926,8	4.949,9	88,2	90,5
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	914,1	4.897,2	88,1	90,2
Trái phiếu	2,0	12,1	48,8	105,2
Chứng chỉ quỹ	10,7	40,6	118,9	150,9
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	855,3	4.586,2	90,0	100,1
Giao dịch thỏa thuận	71,5	363,7	71,1	41,1
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	17.548,4	79.492,2	95,9	93,8
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	17.279,0	78.139,9	96,6	93,5

Trái phiếu	158,9	964,3	47,4	91,7
Chứng chỉ quỹ	110,5	388,0	129,4	232,5
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	14.726,3	67.440,0	100,3	105,1
Giao dịch thỏa thuận	2.822,1	12.052,2	78,0	58,6

Giao dịch chứng khoán trên SGDCK TP.HCM tháng 04/2013



Đến ngày 15/05, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 309 gồm 304 cổ phiếu và 5 chứng chỉ quỹ, giảm 2 chứng khoán so với cuối tháng 04 (ngày 03/05 hủy niêm yết các mã cổ phiếu: IFS của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế, VES của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MêCa VNECO, VSG của Công ty Cổ phần Container Phía Nam; ngày 15/05 mã cổ phiếu FCM của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON chính thức giao dịch). Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 793.897 tỷ đồng, tăng 16,63% so với cuối năm trước. VN-Index tại ngày 15/05 đạt 485,97 điểm, tăng 17,46% so với cuối năm trước (tương ứng tăng 72,24 điểm).

VIII. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Y tế

- **Tình hình dịch bệnh** (tháng 4 và 4 tháng)

+ **Bệnh sốt xuất huyết:** Trong tháng 4 có 298 ca mắc bệnh, giảm 16,3% so với tháng trước, và giảm 37,8% so với cùng kỳ năm trước. Tổng số ca phát hiện trong 4 tháng đầu năm là 2.014 ca, giảm 29,3% so với cùng kỳ 2012; Đã có 3 ca tử vong, bệnh xuất hiện nhiều ở các quận/ huyện có nhiều kênh rạch và vùng ven. Ngành y tế thành

phổ vẫn tiếp tục thực hiện các biện pháp giám sát, kiểm tra và hỗ trợ phun thuốc tại các khu vực có nhiều ca bệnh và khống chế không để bệnh lây lan và bùng phát.

+ **Bệnh tay chân miệng:** Số ca mắc bệnh trong 4 tháng đầu năm là 2.307 ca, giảm 13,1% (-349 ca) so với cùng kỳ 2012, không có tử vong. Trong tháng 4 có 812 ca, tăng 53,5% so với tháng trước, tăng 6,3% so cùng kỳ. Bệnh xuất hiện rải đều ở tất cả các quận/huyện trên địa bàn thành phố, nhưng tập trung nhiều ở Bình Chánh, Bình Tân, quận 8. Ngành chức năng vẫn tiếp tục tuyên truyền, kiểm soát bệnh trong các trường mầm non, nhóm trẻ gia đình và các ca bệnh ở cộng đồng nhất là ở các khu nhà trọ. Xử lý triệt để các ca bệnh và ổ dịch theo hướng dẫn của Trung tâm Y tế Dự phòng.

+ **Các dịch bệnh khác:** Bệnh tiêu chảy: trong 4 tháng đầu năm có 873 ca, giảm 27,7% so với cùng kỳ 2012. Bệnh thủy đậu: 4 tháng đầu năm phát hiện 146 ca, giảm 12%.

2. Trật tự an toàn xã hội (Từ 16/03/2013 đến 15/04/2013)

* **Vi phạm kinh tế:** Đã phát hiện và xử lý 64 vụ. Trong đó: buôn lậu (01 vụ), Kinh doanh hàng ngoại không có hóa đơn chứng từ (06 vụ), buôn bán hàng cấm (23 vụ), kinh doanh hàng hóa trái phép, trốn thuế (21 vụ)... thu giữ hàng hóa trị giá trên 11,2 tỷ đồng.

Phát hiện 29 vụ vi phạm các quy định bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh giết mổ gia súc, chế biến thực phẩm, các công ty, doanh nghiệp thu gom chất thải và các hệ thống xử lý chất thải.

* **Vi phạm hình sự:** Trong tháng đã xảy ra 487 vụ, tăng 24,2% so với tháng trước, tăng 22,1% so với cùng kỳ 2012, làm chết 10 người, bị thương 61 người, thiệt hại tài sản giá trị trên 11,7 tỷ đồng. Các vụ phạm pháp hình sự chủ yếu là: giết người (08 vụ), cướp tài sản (13 vụ), cướp giật (89 vụ), cố ý gây thương tích (45 vụ), trộm cắp tài sản (285 vụ), ... Đã được điều tra khám phá 286 vụ, bắt 342 đối tượng.

- Hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội:

+ **Ma túy:** Trong tháng có 181 vụ, trong đó: mua bán tàng trữ là 152 vụ; sử dụng trái phép các chất ma túy là 29 vụ. Đã khởi tố 124 vụ với 161 người vi phạm, xử lý hành chính 57 vụ với 195 người vi phạm, lập hồ sơ tập trung 235 đối tượng nghiện vào trung tâm cai nghiện, cơ sở chữa bệnh và giáo dục tại phường, xã.

+ **Mại dâm và các tệ nạn xã hội khác:** Đã triệt phá 05 ổ mại dâm lợi dụng kinh doanh nhà trọ, khách sạn để hoạt động, lập hồ sơ xử lý 20 người tổ chức môi giới và gái mại dâm, chuyển giao cho ngành Thương binh xã hội giáo dục và quản lý tập trung 91 đối tượng lang thang, xin ăn và 208 đối tượng nghiện ma túy. Kiểm tra lập biên bản 328 cơ sở dịch vụ giải trí vi phạm quy định.

+ **Cờ bạc, cá độ:** Lập hồ sơ xử lý 109 vụ tổ chức cờ bạc với 551 người tham gia, thu giữ trên 409 triệu đồng và nhiều tài sản khác.

- **Trật tự an toàn giao thông:** Đã lập biên bản và xử phạt 93 ngàn trường hợp vi phạm Luật giao thông đường bộ, tạm giữ hơn 8,5 ngàn xe các loại, tước giấy phép lái xe

9,8 ngàn trường hợp, xử lý hơn 2 ngàn trường hợp vi phạm về đội nón bảo hiểm,... thu nộp ngân sách trên 33 tỷ đồng.

+ **Tai nạn giao thông đường bộ:** Xảy ra 83 vụ, tăng 43,1% so tháng trước, tăng 48,2% so với cùng kỳ năm 2012, làm chết 67 người, bị thương 31 người.

- **Tình hình cháy, nổ:** Đã xảy ra 12 vụ cháy, giảm 1 vụ so với tháng trước, tăng 1 so với cùng kỳ 2012, không có người chết và bị thương. Đã xác định được tài sản thiệt hại của 8/12 vụ là 183 triệu đồng; nguyên nhân cháy chủ yếu do chập điện.

Trong tháng, trên địa bàn thành phố không xảy ra vụ nổ (tháng trước có 2 vụ, cùng kỳ 2012 có 1 vụ).

3. Tình hình giải quyết việc làm

Trong tháng 5, các khu vực kinh tế trên địa bàn thành phố đã thu hút và giải quyết việc làm cho 25,9 ngàn người, giảm 5,4% so với tháng trước. Trong đó, số lao động có việc làm ổn định là 16,7 ngàn người, chiếm 64,7% so với số lao động được giải quyết việc làm. Số chỗ làm mới tạo ra là 8,7 ngàn.

Như vậy, 5 tháng đầu năm đã có 123,6 ngàn lao động được giải quyết việc làm, đạt 46,6% so với kế hoạch. Trong đó, lao động có việc làm ổn định là 72,7 ngàn lượt người (chiếm 58,8%). Số chỗ việc làm mới tạo ra là 49,5 ngàn chỗ làm.

4. Thực hiện bảo hiểm thất nghiệp

Từ ngày 15/4 đến ngày 10/5, trên địa bàn thành phố đã có 6,8 ngàn người đến Trung tâm giới thiệu việc làm thành phố đăng ký thất nghiệp, và đã có 8,2 ngàn người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp. Số người đề nghị chuyển hưởng trợ cấp thất nghiệp đi đến các tỉnh, thành phố khác là 2,4 ngàn người, số người từ nơi khác chuyển đến thành phố hưởng trợ cấp thất nghiệp là 512 người. Số tiền chi trả trợ cấp thất nghiệp là 76,6 tỷ đồng. Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp 8 ngàn trường hợp. Tư vấn và giới thiệu việc làm cho trên 14,2 ngàn người và hỗ trợ học nghề cho 217 người.

Trên đây là tình hình kinh tế xã hội trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2013